

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/HS-ST

Ngày: 27-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Ánh Hằng;

- Ông Phạm Công Đợi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2023/HSST ngày 19 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Tấn P, sinh năm 1987; nơi sinh: thành phố K, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 11, khóm V2, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1941; vợ là Lê Thị Bích Pg, sinh năm 1982; con có 01 người, sinh năm 2006; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ tư.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/10/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Lê Thị Ngọc Z, sinh năm 1991; nơi cư trú: tổ 14, khóm V2, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang, có mặt.

Người làm chứng:

- Lê Hoàng Sang, sinh năm 2002; vắng mặt.

- Lê Thị Bích Phương, sinh năm 1982; vắng mặt.
- Nguyễn Thị Thúy Hằng, sinh năm 1993; vắng mặt.
- Tăng Kim Ngân, sinh năm 1988; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 06/8/2022, Lê Tấn P nghe Lê Thị Ngọc Z (em vợ P) nói thì biết được nhà của Z (tổ 14, khóm V2, phường V, thành phố K) mọi người đi vắng, không ai trông giữ nhà nên nảy sinh ý định đến nhà của Z lấy trộm tài sản để đánh bạc. Do nghĩ Lê Hoàng Sang (em ruột Z) sống chung nhà với Z) đi bán vé số, cất giữ chìa khóa, khoảng 09 giờ ngày 06/8/2022, P điều khiển xe mô tô biển số 67Z1-3726 tìm gặp Sang, giả vờ nói sửa đồ, kêu Sang về nhà mở cửa, mới biết chìa khóa nhà được Z cất giấu trong chậu cây, cả hai mở cửa vào nhà. Lợi dụng lúc Sang không đề ý, P lén dùng tua vít cạy cửa phòng ngủ của Z đột nhập vào trong lấy 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara, kiểu chữ cong, trọng lượng 03 chỉ; 01 mặt dây chuyền vàng 19 kara, hình trái châu, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 lắc tay vàng 18 kara, kiểu chữ G và vòng tròn nối tiếp nhau, trọng lượng 05 chỉ và tiền Việt Nam 9.000.000 đồng. P mang số vàng lấy được đến tiệm vàng “Trương Hưng” (khóm 5, phường CA, thành phố K) bán được 25.358.000 đồng. P đánh bạc tại Casino (Campuchia) thua 27.508.000 đồng, trả nợ trước đó cho Z 3.000.000 đồng, còn lại 3.850.000 đồng, P cất giữ. Sau đó bị phát hiện, P đến Cơ quan Công an đầu thú, giao nộp số tiền còn lại.

Vật chứng thu giữ: 01 giấy mua bán vàng của tiệm vàng Trương Hưng với Lê Tấn P, ghi ngày 06/8/2022 (lưu hồ sơ vụ án); 01 xe mô tô hiệu wave anpha, màu đỏ - đen - bạc, biển số 67Z1-3726 (đã trao trả cho bị hại Lê Thị Ngọc Z); tiền Việt Nam 3.850.000 đồng; 01 cây tua vít màu vàng xanh, dài 21cm (đã bàn giao Cơ quan Thi hành án Dân sự).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 679/KL-ĐG ngày 29/9/2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K, ghi nhận: 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara, kiểu chữ cong, trọng lượng 03 chỉ, trị giá 11.394.000 đồng; 01 mặt dây chuyền vàng 18 kara, hình trái châu, trọng lượng 0,5 chỉ, trị giá 1.899.000 đồng; 01 lắc tay vàng 18 kara, kiểu chữ G và vòng tròn nối tiếp nhau, trọng lượng 05 chỉ, trị giá 18.990.000 đồng. Tổng cộng 32.283.000 đồng.

Ngày 25/10/2022 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố K ban hành các Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Tấn P về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”.

Cáo trạng số: 14/CT-VKSCĐ-HS ngày 19/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Lê Tấn P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo P khai nhận để có tiền đánh bạc, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Z như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị hại Z vẫn yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Tấn P từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp nên đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Đề nghị tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 giấy mua bán vàng của tiệm vàng Trương Hưng với Lê Tấn P, ghi ngày 06/8/2022; tịch thu, tiêu hủy 01 cây tua vít màu vàng xanh, dài 21 cm là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 3.850.000 đồng do bị cáo Lê Tấn P bán tài sản trộm có được. Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave anpha, màu đỏ - đen - bạc, biển số 67Z1-3726 (đã trao trả cho bị hại Lê Thị Ngọc Z) nên không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Z yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt, đề nghị buộc bị cáo P có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Z số tiền tổng số tiền 41.283.000 đồng.

Trường hợp Lê Tấn P qua lại biên giới Việt Nam – Campuchia đánh bạc trái phép, nhưng không bị bắt quả tang, không căn cứ xử lý.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi

tổ tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Sự vắng mặt của những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi phạm tội

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp của bị hại Z 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara, 01 mặt dây chuyền vàng 18 kara, 01 lắc tay vàng 18 kara, tổng cộng 32.283.000 đồng và 9.000.000 đồng tiền Việt Nam. Sau khi P mang số vàng lấy được đến tiệm vàng “Trương Hưng” bán được 25.358.000 đồng, đánh bạc tại Casino (Campuchia) thua hết và trả nợ cho Z, đối với số tiền 9.000.000 đồng trộm được của bị hại Z, bị cáo sử dụng còn lại 3.850.000 đồng bị thu giữ.

Đối chiếu lời khai nhận hành vi của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, các biên bản xác minh, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập, có căn cứ xác định: Vào ngày 06/8/2022 P lợi dụng bị hại Z đi vắng nên đã có hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Z gồm tiền mặt và vàng, trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 41.283.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đó là vi phạm pháp luật, nếu bị phát hiện sẽ bị xử lý, nhưng vì mê cờ bạc, muốn có tiền dùng vào mục đích đánh bạc và tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất vụ án

Xét thấy, quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người trưởng thành, có khả năng lao động, đáng lẽ, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì lười lao động, mê đánh bạc đã gây thiệt hại cho chủ sở hữu tài sản, gây hoang mang dư luận, mất trật tự tại địa phương.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, cần có hình phạt tương xứng, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cần xem xét cho bị cáo thuộc thành phần lao động, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, tự nguyện đầu thú và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Đối với 01 giấy mua bán vàng của tiệm vàng Trương Hưng với Lê Tấn P, ghi ngày 06/8/2022 có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội nên lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave Anpha màu đỏ- đen- bạc, biển số 67Z1-3726 đã trao trả cho bị hại Lê Thị Ngọc Z nên không đề cập xem xét giải quyết.

- Đối với 01 cây tua vít màu xanh, dài 21cm không còn giá trị sử dụng là công cụ phạm tội nên xét tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 3.850.000 đồng bị thu giữ là do bị cáo Lê Tấn P sử dụng còn lại từ số tiền 9.000.000 đồng trộm được của bị hại, nên xét thấy cần giao trả lại số tiền 3.850.000 đồng cho bị hại Z là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Z, theo Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản, tài sản của Z bị thiệt hại trị giá 41.283.000 đồng, khấu trừ số tiền 3.850.000 đồng bị cáo trả cho bị hại. Do đó, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự xét buộc bị cáo P có trách nhiệm bồi thường tiếp cho bị hại Z số tiền 37.433.000 đồng là có căn cứ.

[9] Vấn đề khác: Trường hợp Lê Tấn P qua lại biên giới Việt Nam – Campuchia đánh bạc trái phép, nhưng không bị bắt quả tang, không căn cứ xử lý.

[10] Về án phí:

Bị cáo Lê Tấn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.872.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Quyền kháng cáo:

Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Tấn P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt Lê Tấn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015;

Buộc bị cáo Lê Tấn P bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị Ngọc Z số tiền 37.433.000 (ba mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) giấy mua bán vàng của tiệm vàng Trương Hưng với Lê Tấn P, ghi ngày 06/8/2022;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 cây tua vít màu xanh, dài 21cm không còn giá trị sử dụng;

- Trả lại cho bị hại Lê Thị Ngọc Z tiền Việt Nam 3.850.000 (ba triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/02/2023 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K; giấy nộp tiền mặt số 19784800 ngày 10/02/2023).

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Tấn P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.872.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ;
- Phòng hồ sơ;
- Chi cục THADS thành phố;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà